TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 27/02/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ;

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/02/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp Chăng Mật, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại Ấp Chăng Mật, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến đầu năm 2019 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, chị và anh H sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân dân tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn

bất đồng quan điểm, lối sống, chị xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H không có con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị Kim N đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại Ấp Chăng Mật, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến đầu năm 2019 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, anh và Chị N sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Ngân, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đoàn Thị Kim N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Đoàn Thị Kim N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên cả Chị N và anh H đều từ chối Tòa án tiến hành hòa giải, không muốn gặp mặt để ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, cả Chị N và anh H đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim N, xử cho Chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn 9, xã T, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị N và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim N, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H: Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ đầu năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện tại mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bản thân Chị N và anh H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, cả Chị N và anh H đều từ chối hòa giải, điều đó cho thấy anh chị không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị N là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung, HĐXX nhận định: Chị N và anh H đều xác định không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000861991 ngày 22/12/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001063 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn Văn Toàn**